

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 502/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 26 - 10 - 2018

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Bờ;

Bà Trương Thị Thu Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 367/2018/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ph, sinh năm 1973.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1972.

Cùng trú tại tổ 19, ấp MB, xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang.

Bà Ph, ông P có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/7/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Lê Thị Ph trình bày: Bà và ông P tìm hiểu và chung sống với nhau năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng

không hòa hợp, ông P thường hay uống rượu, đánh đập vợ con nhiều lần, không quan tâm lo lắng cho vợ con. Bà Ph đã khuyên ông P nhiều lần, nhưng ông không sửa chữa, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay tình cảm không còn, không thể chung sống, mục đích hôn nhân không đạt nên bà Ph xin ly hôn với ông P.

Con chung: bà Ph và ông P chung sống được 02 con chung tên Nguyễn Thị PH1, sinh năm 1994 hiện đã thành niên và có gia đình riêng; Nguyễn Thị Nhã L, sinh năm 2005, ly hôn bà Ph yêu cầu nuôi cháu L, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bản tự khai ngày 18/10/2018 của bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: Ông và bà Ph chung sống năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Ông thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhau do ông thường uống rượu về có cãi vả đánh đập vợ con nhiều lần, nhưng nay ông hứa sửa chữa, làm ăn lo cho vợ con, còn thương vợ con, không đồng ý ly hôn. Con chung: Thống nhất có 02 con chung như bà Ph trình bày, nếu Tòa cho ly hôn thì con muốn ở với ai người đó nuôi, không cấp dưỡng.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà Ph giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung. Tài sản chung không yêu cầu, nợ chung không có. Ông P xin đoàn tụ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, biên bản xác minh tại địa PH1 cho biết: Mâu thuẫn giữa bà Ph và ông P chủ yếu là do ông P thường hay uống rượu về kiêu chuyệ đánh đập vợ con. Tại phiên tòa, bà Ph cho rằng bà và ông P chung sống thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vả nhau, ông P thường xuyên uống rượu, đánh vợ con nhiều lần, không quan tâm, làm ăn lo vợ con, bà đã cho ông P nhiều cơ hội sửa chữa nhưng do ông P không sửa chữa, hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời ông bà chung sống năm 1993 không có đăng ký hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật hôn và gia đình năm 2014. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ

Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Ph và ông Nguyễn Văn P.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị PH1, sinh năm 1994 hiện đã thành niên và có gia đình riêng; Nguyễn Thị Nhã L, sinh năm 2005, ly hôn bà Ph yêu cầu nuôi cháu L, sau khi vợ chồng ly thân đến nay cháu L do bà Ph chăm sóc nuôi dưỡng ổn định. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung và theo nguyện vọng của con nên đề nghị giao con chung cho bà Ph tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Ph không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông P thường trú tại ấp MB, xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang. Bà Ph khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Ph và ông P chung sống chung sống năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa, bà Ph cho rằng bà và ông P chung sống không còn hạnh phúc, ông P không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ việc gia đình, ông P thường uống rượu đánh đập vợ con nhiều lần, vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết ly hôn ly hôn. Ông P thừa nhận ông có thường hay uống rượu, không quan tâm vợ con, tại phiên tòa, ông hứa sửa chữa lỗi lầm, ông còn thương vợ nên xin đoàn tụ. Xét thấy, bà Ph và ông P chung sống với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký là không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Ph và ông Nguyễn Văn P.

- Về con chung: Bà Ph và ông P chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị PH1, sinh năm 1994 hiện đã thành niên và có gia đình riêng; Nguyễn Thị Nhã L, sinh năm 2005, ly hôn bà Ph yêu cầu nuôi cháu L. Xét, từ khi ly thân đến nay cháu L do bà Ph chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, đồng thời tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu L được Tòa án ghi nhận ngày 20/7/2018 thì cháu L có nguyện vọng sống với bà Ph khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của con chung và theo nguyện vọng của cháu L Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu L cho bà Ph được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; quyền nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Ph không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Thống nhất tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Bà Ph phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 51; khoản 2 Điều 53, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Ph và ông Nguyễn Văn P.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Nhã L, sinh năm cho bà Ph được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Ph trực tiếp nuôi con cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Ph không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Ph phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002449 ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện CP;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Ngọc Mỹ